

Số: 1032/CV-BV
V/v yêu cầu báo giá hóa chất, vật tư y tế

Ba Tri, ngày 24 tháng 9 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế và hóa chất cấp bách không trúng thầu dự toán: mua vật tư y tế tiêu hao, hóa chất sử dụng năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ba Tri với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri. Số 29 Phan Ngọc Tông, T.T Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phan Thị Anh Thi, Nhân viên khoa Dược Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri, SĐT: 0834989747. Gmail: khoaduocbatri@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri. Số 29 Phan Ngọc Tông, T.T Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 24 tháng 9 năm 2024 đến trước 17h ngày 03 tháng 10 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	ĐVT
1	Bộ định danh IVD NK IDS GNR	Bộ định danh IVD NK-IDS 14GNR là một hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hoá.	1	bộ

2	Bộ định danh IDV NK -Rnis	Bộ định danh IVD NK-RNIS (Rapid Neisseria Identification System) là hệ thống định danh Neisseria dựa trên thử nghiệm lên men đường nhanh	1	bộ
3	Đĩa kháng sinh các loại	Đĩa được tẩm kháng sinh đúng nồng độ quy định. Chất lượng, quy cách theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	30	lọ
4	Dung dịch H ₂ O ₂ 3%	Dùng trong xét nghiệm; nồng độ 3%; chất lượng đạt tiêu chuẩn nhà sản xuất. Lọ ≥ 2ml	4	lọ
5	Kliggler Iron Agar KIA	Môi trường phân biệt để xác định vi khuẩn đường ruột dựa trên quá trình lên men sản xuất dextrose, lactose và H ₂ S Tube ≥ 1ml	20	tube
6	Bile Esculin Agar	Môi trường nuôi cấy để phân biệt Enterococcus (hoặc Streptococcus nhóm D) với các Streptococcus không thuộc nhóm D. Lọ ≥ 1ml	20	lọ
7	Than hoạt tính	Than có độ xốp cao, tỷ trọng nhỏ. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	5	kg
8	Môi trường dung nạp 6,5% NaCl	Phát hiện khả năng dung nạp 6,5 % sodium chloride của vi khuẩn để phân biệt Enterococcus với non - enterococcus. Lọ ≥ 2ml	20	lọ
9	Đĩa Oxidase	Trong đĩa giấy có thuốc thử p-phenylenediamine dihydrochloride (TMPD)	1	lọ
10	BHI Glycerol 20%	Dùng để bảo quản và lưu giữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc và ngưỡng nhiệt độ bảo quản: - 20 độ C (1 năm); -30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm)	40	tube
11	Lammen 22 x 40mm	Kích thước 22x40 mm Hộp ≥ 72 cái	1	hộp
12	Cốc xét nghiệm Sample cup	chất liệu: polystyrene (PS). Sử dụng cho máy sinh hóa Erba XL600	3.000	cái
13	Hóa chất xét nghiệm thời gian Thromboplastin hoạt hoá (APTT)	Dùng để xét nghiệm thời gian Thromboplastin hoạt hoá (APTT). Mỗi lọ 2ml hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất Sử dụng tương thích với Máy đông máu bán tự động Diagnostica Stago S.A.S Start Max. Quy cách: ≤4 ml/ lọ	40	ml
14	Hóa chất xét nghiệm thời gian Thrombin (TT)	Dùng cho xét nghiệm thời gian Thrombin (TT) Sử dụng tương thích với Máy đông máu bán tự động Diagnostica Stago S.A.S Start Max. Quy cách: ≤2 ml/ lọ	40	ml

15	Định lượng Fibrinogen	Dùng để định lượng Fibrinogen Sử dụng tương thích với Máy đông máu bán tự động Diagnostica Stago S.A.S Start Max. Quy cách: ≤4 ml/ lọ	358,5	ml
16	Hóa chất nội kiểm đông máu N + P	Các giá trị chứng của mỗi thông số có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô. Giá trị chứng gồm hai mức (bình thường và bệnh lý) cho các thông số: PT, Fibrinogen, APTT và TT. Sử dụng tương thích với Máy đông máu bán tự động Diagnostica Stago S.A.S Start Max. Quy cách: ≤1 ml/ lọ	6	ml
17	BILLES	Đạt tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Sử dụng tương thích với Máy đông máu bán tự động Diagnostica Stago S.A.S Start Max. Quy cách: ≤2000 bi/ lọ	3.000	Bi
18	Hóa chất xét nghiệm thời gian Prothrombin (PT)	Dùng để xét nghiệm thời gian Prothrombin (PT) Sử dụng tương thích với Máy đông máu bán tự động Diagnostica Stago S.A.S Start Max. Quy cách: ≤4 ml/ lọ	24	ml
19	CUVETTES	Công đo chuyên dùng cho máy xét nghiệm đông máu, dây 4 giếng. Sử dụng tương thích với Máy đông máu bán tự động Diagnostica Stago S.A.S Start Max.	480	Cái
20	Acid Citric	Tinh thể không màu hoặc bột trắng. Hàm lượng: 99,5%	25	Kg
21	Lọ lấy mẫu phân có muống	Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong, có thìa. Lọ ≥ 55ml	300	cái
22	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ thép khâu xương bánh chè số 7, 60 cm, kim tam giác 120mm	1	tép
23	Dung dịch xịt dùng ngoài ngừa loét tê đờ	Glycerid có độ oxy hóa cao của các acid béo cần thiết (a.linoleic 60%) Vitamin E + Hương hạt hồi. ≥ 500ml/chai	1	chai
24	Gạc dẫn lưu 0.75 x 200cm x 4 lớp 1c/g (meche)	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100% Kích thước 0.75 x 200cm x 4 lớp; đã tiệt trùng bằng khí EO.	100	cuộn
25	Dung dịch tẩy rửa sinh học đa enzyme	Công thức không chứa chất bay hơi, pH trung tính ở nồng độ sử dụng. Nồng độ sử dụng: 0,05-0,5%.	6	chai
26	Côn chính có vạch	Dùng để điều trị tủy. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	6	Hộp
27	Cone phụ A,B,C,D	Dùng để điều trị tủy. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	1	Hộp

28	Đai nhựa trám răng	Dùng trám răng. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	1	Gói
29	Đai kim loại trám răng	Dùng trám răng. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	12	Gói
30	Endomethason	Dùng để điều trị tủy. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất Hộp $\geq 14g$	1	Lọ
31	Kim gai nội nha trắng	Dùng để điều trị tủy. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	3	Vĩ
32	Kim gai nội nha vàng	Dùng để điều trị tủy. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	3	Vĩ
33	Kim gai nội nha xanh	Dùng để điều trị tủy. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	3	Vĩ
34	Lentulo số 25 dài 25	Dùng để điều trị tủy. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	1	Vĩ
35	Mũi khoan kim cương búp lửa	Dùng trám răng. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	10	Mũi
36	Mũi khoan kim cương tròn	Dùng trám răng. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	20	Mũi
37	Mũi khoan kim cương trụ	Dùng trám răng. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	20	Mũi
38	Nhám kẽ	Dùng trám răng. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	1	Gói
39	Ống hút nước bọt	Hỗ trợ trong khám răng. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	4	Gói
40	Sò đánh bóng	Vật liệu đánh bóng	20	Viên
41	Spongel (Cầm máu)	Dùng để cầm máu răng Gói 6 miếng	5	Gói
42	Tăm bông	Dùng trám răng Lọ ≥ 100 que	1	Lọ
43	Thuốc trám thẩm mỹ	Dùng trám răng Lọ ≥ 3 g	1	Tuýp
44	Mũi đánh bóng	Dùng trám răng	15	Mũi
45	Chổi đánh bóng	Dùng trong điều trị nha chu	10	Cây

46	Oxit kẽm	Dùng trám răng. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất Lọ \geq 110g	1	Hộp
----	----------	---	---	-----

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tháng 10/2024.

Rất mong sự hợp tác của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam để Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- BGĐ (để biết);
- Các công ty cung ứng;
- Lưu: VT, KD.

Q **GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Trí